

Số: 468/TB-ĐHKHTN

Hà Nội, ngày 8 tháng 3 năm 2022

## **THÔNG BÁO**

### **Tuyển sinh đào tạo tiến sĩ đợt 1 năm 2022**

Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQGHN) thông báo tuyển sinh đào tạo tiến sĩ đợt 1 năm 2022 như sau:

#### **1. Hình thức tuyển sinh:**

Xét tuyển vào một trong hai chương trình: chương trình đào tạo (CTĐT) chuẩn hoặc CTĐT theo Đề án nâng cao năng lực đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý các cơ sở giáo dục đại học đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản toàn diện giáo dục và đào tạo giai đoạn 2019 - 2030 (Đề án 89).

#### **2. Điều kiện dự tuyển**

Người dự tuyển vào CTĐT tiến sĩ tại Trường Đại học Khoa học Tự nhiên (ĐHKHTN) phải đáp ứng những điều kiện sau đây:

- Đã tốt nghiệp thạc sĩ hoặc tốt nghiệp đại học chính quy hạng Giỏi trở lên ngành phù hợp, hoặc tốt nghiệp trình độ tương đương bậc 7 theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam ở một số ngành đào tạo chuyên sâu đặc thù phù hợp với ngành đào tạo tiến sĩ. Chi tiết tham khảo Phụ lục 4 của thông báo này. Văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải thực hiện thủ tục công nhận theo quy định hiện hành;

- Có kinh nghiệm nghiên cứu thể hiện qua luận văn thạc sĩ của CTĐT định hướng nghiên cứu. Riêng các thí sinh có bằng thạc sĩ định hướng ứng dụng hoặc dự tuyển từ cử nhân thì phải là tác giả hoặc đồng tác giả tối thiểu 01 bài báo thuộc tạp chí khoa học chuyên ngành hoặc 01 báo cáo khoa học đăng tại kỳ yếu của các hội nghị, hội thảo khoa học quốc gia hoặc quốc tế có phản biện, có mã số xuất bản ISBN liên quan đến lĩnh vực hoặc đề tài nghiên cứu, được hội đồng chức danh giáo sư, phó giáo sư của ngành/liên ngành công nhận;

- Có đề cương nghiên cứu, trong đó nêu rõ tên đề tài dự kiến, lĩnh vực nghiên cứu; lí do lựa chọn lĩnh vực, đề tài nghiên cứu; giản lược về tình hình nghiên cứu lĩnh vực đó trong và ngoài nước; mục tiêu nghiên cứu; một số nội dung nghiên cứu chủ yếu; phương pháp nghiên cứu và dự kiến kết quả đạt được; lí do lựa chọn đơn vị đào tạo; kế hoạch thực hiện trong thời gian đào tạo; những kinh nghiệm, kiến thức, sự hiểu biết cũng như những chuẩn bị của thí sinh cho việc thực hiện luận án tiến sĩ. Trong đề cương có thể đề xuất cán bộ hướng dẫn;

- Có thư giới thiệu của ít nhất 01 nhà khoa học có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc học vị tiến sĩ khoa học, tiến sĩ đã tham gia hoạt động chuyên môn với người dự tuyển và am hiểu lĩnh vực chuyên môn mà người dự tuyển dự định nghiên cứu. Thư giới thiệu phải có những nhận xét, đánh giá người dự tuyển về:

+ Phẩm chất đạo đức, năng lực và thái độ nghiên cứu khoa học, trình độ chuyên môn của người dự tuyển;

+ Đối với nhà khoa học đáp ứng các tiêu chí của người hướng dẫn nghiên cứu sinh (NCS) và đồng ý nhận làm cán bộ hướng dẫn luận án, cần bổ sung thêm nhận xét về tính cấp thiết, khả thi của đề tài, nội dung nghiên cứu; và nói rõ khả năng huy động NCS vào các đề tài, dự án nghiên cứu cũng như nguồn kinh phí có thể chi cho hoạt động nghiên cứu của NCS.

+ Những nhận xét khác và mức độ ủng hộ, giới thiệu thí sinh làm NCS.

- Có công văn cử đi dự tuyển của cơ quan quản lý trực tiếp theo quy định hiện hành về việc đào tạo và bồi dưỡng công chức, viên chức (nếu người dự tuyển là công chức, viên chức);

- Đạt đủ điều kiện về kinh nghiệm và thâm niên công tác theo yêu cầu cụ thể của từng chuyên ngành đào tạo;

- Cam kết thực hiện các nghĩa vụ tài chính trong quá trình đào tạo theo quy định của đơn vị đào tạo;

- Lí lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành án hình sự, kỉ luật từ mức cảnh cáo trở lên.

- Có đủ sức khoẻ để học tập.

- Người dự tuyển là công dân Việt Nam phải đạt yêu cầu về năng lực ngoại ngữ phù hợp với yêu cầu về ngoại ngữ của CTĐT, được minh chứng bằng một trong những văn bằng, chứng chỉ sau:

+ Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do một cơ sở đào tạo nước ngoài, phân hiệu của cơ sở đào tạo nước ngoài ở Việt Nam hoặc cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp cho người học toàn thời gian bằng tiếng nước ngoài;

+ Bằng tốt nghiệp trình độ đại học ngành ngôn ngữ nước ngoài hoặc ngành sư phạm ngôn ngữ nước ngoài do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp;

+ Một trong các chứng chỉ ngoại ngữ tương đương trình độ Bậc 4 trở lên (theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam), được ĐHQGHN công nhận (quy định tại Phụ lục 2 và Phụ lục 3 của thông báo này), còn hiệu lực tính đến ngày đăng kí dự tuyển.

Người dự tuyển là công dân nước ngoài nếu đăng kí theo học CTĐT tiến sĩ bằng tiếng Việt phải đạt trình độ tiếng Việt từ Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài hoặc đã tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương) trở lên mà CTĐT được giảng dạy bằng tiếng Việt.

Thí sinh đăng kí dự tuyển đào tạo tiến sĩ theo Đề án 89 phải đáp ứng tiêu chuẩn tham gia tuyển chọn tại Điều 5 Thông tư 25/2021/TT-BGDĐT ngày 08/9/2021.

Thí sinh dự tuyển đáp ứng điều kiện tại Điều 4 của Quy định xét cấp học bổng của ĐHQGHN cho NCS và thực tập sinh sau tiến sĩ có năng lực nghiên cứu xuất sắc ban hành theo Quyết định số 3688/QĐ-ĐHQGHN ngày 19/11/2021 của Giám đốc ĐHQGHN có thể nộp hồ sơ đăng kí xét cấp học bổng dành cho NCS có năng lực nghiên cứu xuất sắc.

### **3. Hồ sơ dự tuyển**

Hồ sơ dự tuyển đào tạo tiến sĩ (biểu mẫu được đăng trên website của Trường ĐHKHTN, <http://tuyensinh.hus.vnu.edu.vn/sau-dai-hoc.html>), bao gồm:

- Đơn đăng kí dự tuyển (theo Mẫu 1C, riêng cho CTĐT chuẩn/CTĐT theo Đề án 89);
- Bản cam kết (theo Mẫu 2C, riêng cho CTĐT theo Đề án 89);
- Sơ yếu lí lịch (theo Mẫu 3C);
- Lí lịch khoa học (theo Mẫu 4C);
- Bản sao (công chứng) bằng, bảng điểm đại học, bằng, bảng điểm thạc sĩ, chứng chỉ ngoại ngữ, giấy chứng nhận công nhận văn bằng trong trường hợp bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp;
- Đề cương nghiên cứu đáp ứng các yêu cầu, nội dung như ở Mục 2;
- Thư giới thiệu của tối thiểu 1 nhà khoa học theo quy định như ở Mục 2;
- Công văn cử đi dự tuyển của cơ quan quản lí trực tiếp theo quy định hiện hành về việc đào tạo và bồi dưỡng công chức, viên chức (nếu người dự tuyển là công chức, viên chức);
- Giấy khám sức khỏe (của một cơ sở y tế có thẩm quyền mới cấp trong thời hạn 06 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ).

Tất cả hồ sơ trên được bỏ vào 1 túi hồ sơ, bên ngoài có dán bìa hồ sơ (theo Mẫu 5C, riêng cho CTĐT chuẩn/CTĐT theo Đề án 89).

Ngoài ra, các NCS đăng kí xét cấp học bổng dành cho NCS có năng lực nghiên cứu xuất sắc nộp thêm 01 bộ hồ sơ như trên, kèm theo các giấy tờ sau:

- Bản cam kết thực hiện các quy định của ĐHQGHN về việc xét học bổng cho NCS có năng lực xuất sắc (Mẫu 1D);
- Đơn xin cấp học bổng lần đầu (Mẫu 2D);
- Bản sao giấy khai sinh.

#### **4. Tổ chức xét tuyển**

- Thời gian tổ chức xét tuyển NCS tại các tiểu ban chuyên môn: từ ngày 18/4/2022 đến 27/4/2022.
- Công bố kết quả tuyển sinh trước ngày 06/5/2022.
- Thông báo trúng tuyển: tháng 5/2022; khai giảng: tháng 11/2022 (dự kiến).
- Chỉ tiêu tuyển sinh: 37 NCS (chi tiết như trong Phụ lục 1).

#### **5. Đăng kí dự tuyển**

##### **5.1. Việc đăng kí dự tuyển được thực hiện theo hai bước:**

**Bước 1:** Đăng kí trên phần mềm tuyển sinh sau đại học:

- Người dự tuyển truy cập vào phần mềm đăng kí tuyển sinh sau đại học của ĐHQGHN tại địa chỉ <http://tssdh.vnu.edu.vn> và thực hiện đăng kí dự tuyển trực tuyến theo hướng dẫn. Người dự tuyển đã đăng kí tài khoản trong những kì tuyển sinh trước và chưa nhập học tại bất kì đơn vị nào trong ĐHQGHN có thể sử dụng tài khoản đã có để đăng kí dự tuyển. Người dự tuyển phải cam kết và chịu trách nhiệm về tính trung thực trong các thông tin khai báo. Người dự tuyển không hoàn thành việc đăng kí trực tuyến sẽ không đủ điều kiện dự tuyển.

- Thời gian đăng kí: từ 8h00 ngày 22/02/2022 đến 17h00 ngày 08/4/2022.

**Bước 2:** Nộp hồ sơ:

- Người dự tuyển chuẩn bị đầy đủ các giấy tờ và sắp xếp theo thứ tự ở Mục 3 (bản phô tô công chứng).

- Thời gian nộp hồ sơ: Trong giờ hành chính từ ngày 25/3/2022 đến ngày 08/4/2022.

- Địa điểm nộp hồ sơ: Phòng Đào tạo (phòng 404 nhà T1), Trường ĐHKHTN, 334 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội.

*Chú ý: Thí sinh đăng kí xét cấp học bổng dành cho NCS có năng lực nghiên cứu xuất sắc, ngoài việc nộp hồ sơ dự tuyển phải khai báo thông tin và nộp hồ sơ đăng kí xét cấp học bổng tại địa chỉ <http://hocbong.vnu.edu.vn>*

## 5.2. Lệ phí dự tuyển: 260.000 đồng/1 thí sinh.

Người dự tuyển có thể chọn một trong hai cách sau:

**Cách 1:** Chuyển khoản từ Ngân hàng bất kỳ hoặc qua hệ thống Internet Banking phải thực hiện nội dung chuyển khoản như sau:

- Cấu trúc nộp lệ phí tuyển sinh:

**CK LPTSSDH<2022> [Mã đăng kí dự thi của thí sinh]**

- Số tài khoản: 22210000586899 tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển Việt Nam, chi nhánh Thanh Xuân.

**Cách 2:** Nộp tiền mặt khi nộp hồ sơ.

**6. Danh sách người hướng dẫn đáp ứng đủ điều kiện hướng dẫn NCS kèm theo danh mục các hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu, đề tài nghiên cứu đang thực hiện hoặc có kế hoạch triển khai:** Chi tiết Phụ lục 5

## 7. Học phí, học bổng

### 7.1. Học phí:

Học phí, lộ trình tăng học phí của hệ đào tạo tiến sĩ tuân theo quy định của nhà nước và các quy định khác có liên quan.

### 7.2. Học bổng:

- Học bổng hỗ trợ học tập theo quy định của Trường ĐHKHTN và của ĐHQGHN.

- Học bổng dành cho NCS có năng lực nghiên cứu xuất sắc của ĐHQGHN.

- Học bổng tài trợ do các tổ chức, cơ quan, doanh nghiệp và cá nhân tài trợ.

### Thông tin chi tiết xin liên hệ:

- Phòng Đào tạo (Phòng 404 nhà T1), Trường ĐHKHTN, 334 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội.

- Điện thoại: 02435578435, E-mail: [saudaihoc@hus.edu.vn](mailto:saudaihoc@hus.edu.vn).

### Nơi nhận:

- Các sở, ban, ngành;
- Các trường đại học, viện nghiên cứu;
- ĐHQGHN (để báo cáo);
- Các khoa, Trung tâm CNTT&TT (để p/h);
- Lưu VT, ĐT, CHĐ50.

**HIỆU TRƯỞNG  
CHỦ TỊCH HĐQT SAU ĐẠI HỌC**

**(đã kí)**

**PGS.TSKH. Vũ Hoàng Linh**

**Phụ lục 1**  
**Các chuyên ngành đào tạo tiến sĩ tại Trường ĐHKHTN**

STT	Tên chuyên ngành	Mã số	Chỉ tiêu tuyển sinh
1	Toán giải tích*	9460101.02	6
2	Phương trình vi phân và tích phân*	9460101.03	
3	Đại số và lý thuyết số*	9460101.04	
4	Lý thuyết xác suất và thống kê toán học*	9460112.02	
5	Cơ sở toán học cho tin học*	9460117.02	
6	Toán ứng dụng*	9460112.01	
7	Cơ học vật rắn*	9440109.02	
8	Vật lý lý thuyết và vật lý toán*	9440130.01	5
9	Vật lý chất rắn*	9440130.02	
10	Vật lý vô tuyến và điện tử*	9440130.03	
11	Vật lý nguyên tử và hạt nhân*	9440130.04	
12	Quang học*	9440130.05	
13	Vật lý địa cầu*	9440130.06	
14	Vật lý nhiệt*	9440130.07	
15	Hoá vô cơ*	9440112.01	5
16	Hoá hữu cơ*	9440112.02	
17	Hoá dầu*	9520301.02	
18	Hoá phân tích*	9440112.03	
19	Hoá lý thuyết và hóa lý*	9440112.04	
20	Hoá môi trường*	9440112.05	5
21	Nhân chủng học*	9420101.02	
22	Động vật học*	9420101.03	
23	Sinh lý người và động vật*	9420101.04	
24	Côn trùng học*	9420101.06	
25	Vi sinh vật học*	9420101.07	
26	Thủy sinh vật học*	9420101.08	
27	Thực vật học*	9420101.11	
28	Hoá sinh học*	9420101.16	
29	Sinh thái học*	9420101.20	
30	Di truyền học*	9420101.21	4
31	Bản đồ, viễn thám hệ thông tin địa lí	9440211.01	
32	Địa lí tự nhiên	9440211.02	
33	Quản lý tài nguyên và môi trường*	9850101.01	3
34	Quản lý đất đai	9850103.01	
35	Địa chất học*	9440201.01	3
36	Thạch học khoáng vật và địa hóa*	9440201.02	
37	Khí tượng học	9440222.01	3
38	Thủy văn học	9440224.01	
39	Hải dương học*	9440228.01	
40	Khoa học môi trường*	9440301.01	6
41	Môi trường đất và nước*	9440301.02	
42	Khoa học đất	9620103.01	
43	Kỹ thuật môi trường	9520320.01	
<b>Tổng cộng:</b>			<b>37</b>

**Ghi chú:** - \*: Những chuyên ngành tuyển sinh cả hệ chuẩn và theo Đề án 89;

- Chỉ tiêu tuyển sinh theo từng chuyên ngành có thể được điều chỉnh tùy theo tình hình thực tế.

**Phụ lục 2**  
**Bảng tham chiếu mức điểm tối thiểu một số chứng chỉ Ngoại ngữ tương đương Bậc 4**  
**theo Khung năng lực Ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam**

**Tiếng Anh**

Khung năng lực ngoại ngữ VN	IELTS	TOEFL	TOEIC (4 kỹ năng)	Cambridge Exam	Aptis (Hội đồng Anh)	Vietnamese Standardized Test of English Proficiency
Bậc 4	5.5	543 ITP 72 iBT	Reading 385 Listening 400 Speaking 160 Writing 150	B1 Preliminary: 160 B2 First: 160 C1 Advanced: 160 B1 Business Preliminary 160 B2 Business Vantage: 160 C1 Business Higher: 160	B2 (General)	VSTEP.3-5 (6.0)

**Một số ngoại ngữ khác**

Khung năng lực ngoại ngữ VN	tiếng Nga	tiếng Pháp	tiếng Đức	tiếng Trung	tiếng Nhật	tiếng Hàn
Bậc 4	TPKI-2	DELFB2 TCFB2	Goethe-Zertifikat B2, TELC Deutsch B2, DSD II (Viết/nói: 8-11 điểm; Nghe/đọc: 8-13 điểm), ÖSD -Zertifikat B2, TestDaF-TDN4 ECL B2	HSK Bậc 4	JLPT N2 (90) NAT-TEST 2Q (100) J-TEST (600)	TOPIK II (Bậc 4)

**Ghi chú:** Đối với một số chứng chỉ quốc tế không thông dụng khác, đơn vị đào tạo cần gửi đến Bộ Giáo dục và Đào tạo cho ý kiến về việc quy đổi tương đương.

**Phụ lục 3**  
**Danh sách các cơ sở cấp chứng chỉ Ngoại ngữ được công nhận trong tuyển sinh đào tạo tiến sĩ của ĐHQGHN**

**1. Chứng chỉ ngoại ngữ bậc 4**

STT	Cơ sở đào tạo	Chứng chỉ ngoại ngữ được công nhận				
		Tiếng Anh (*)	Tiếng Nga	Tiếng Pháp	Tiếng Trung	Tiếng Đức
1.	Trường ĐH Ngoại ngữ, ĐHQGHN	√	√	√	√	√
2.	Trường ĐH Hà Nội	√	√	√	√	√
3.	Trường ĐH Ngoại ngữ, ĐH Huế	√	√	√	√	
4.	Trường ĐH SP TP. Hồ Chí Minh	√	√	√	√	
5.	Trường ĐH Ngoại ngữ, ĐH Đà Nẵng	√	√			
6.	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội	√				
7.	ĐH Thái Nguyên	√				
8.	Trường ĐH Cần Thơ	√				
9.	Trường ĐH Vinh	√				
10.	Học viện An ninh nhân dân	√				

(\*). Đối với chứng chỉ ngoại ngữ tiếng Anh: các cơ sở đào tạo có số thứ tự từ 1 đến 8 được cấp từ ngày 15/5/2019, các cơ sở đào tạo còn lại được cấp từ ngày 08/5/2020.



## 2. Các chứng chỉ tiếng Anh

STT	Cơ sở cấp chứng chỉ	Các chứng chỉ được công nhận				
		IELTS	TOEFL	TOEIC	Cambridge Exam	Aptis
1.	Educational Testing Service (ETS)		√	√		
2.	British Council (BC)	√				√
3.	International Development Program (IDP)	√				
4.	Cambridge ESOL	√			√	

## 3. Một số ngoại ngữ khác

STT	Cơ sở cấp chứng chỉ	Một số ngoại ngữ khác					
		<i>tiếng Nga</i>	<i>tiếng Pháp</i>	<i>tiếng Đức</i>	<i>tiếng Trung</i>	<i>tiếng Nhật</i>	<i>tiếng Hàn</i>
1.	Viện tiếng Nga Quốc gia A.X.Puskin; Phân viện Puskin	√					
2.	Bộ Giáo dục Pháp		√				
3.	Viện Goethe, TELC, ZfA, ÖSD			√			
4.	Tổ chức Hán Ban, Trung Quốc				√		
5.	Japan Foundation (JLPT) Senmon Kyouiku Publishing Co.,Ltd (NAT-TEST); Nihongo Kentei Kyokai (J – Test)					√	
6.	Viện Giáo dục Quốc tế quốc gia Hàn Quốc (NIIED)						√

## Phụ lục 4

## Danh mục các ngành/chuyên ngành trình độ đại học/thạc sĩ được xét tuyển

STT	Tên chuyên ngành đào tạo trình độ tiến sĩ	Ngành đại học đúng/phù hợp	Chuyên ngành thạc sĩ phù hợp
1	Toán giải tích	Toán học	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phương trình vi phân và tích phân</li> <li>- Toán học tính toán</li> <li>- Toán ứng dụng</li> <li>- Phương pháp toán sơ cấp</li> <li>- Lí thuyết xác suất và thống kê toán học</li> <li>- Đại số và lí thuyết số</li> <li>- Hình học - tô pô</li> <li>- Lí thuyết xác suất và thống kê toán học</li> </ul>
2	Phương trình vi phân và tích phân	Toán học	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Toán giải tích</li> <li>- Toán học tính toán</li> <li>- Toán ứng dụng</li> <li>- Phương pháp toán sơ cấp</li> <li>- Lí thuyết xác suất và thống kê toán học</li> <li>- Đại số và lí thuyết số</li> <li>- Hình học - tô pô</li> <li>- Lí thuyết xác suất và thống kê toán học</li> </ul>
3	Đại số và lí thuyết số	Toán học	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Toán giải tích</li> <li>- Toán học tính toán</li> <li>- Toán ứng dụng</li> <li>- Phương pháp toán sơ cấp</li> <li>- Lí thuyết xác suất và thống kê toán học</li> <li>- Hình học - tô pô</li> <li>- Lí thuyết xác suất và thống kê toán học</li> </ul>
4	Lí thuyết xác suất và thống kê toán học	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Toán học</li> <li>- Toán ứng dụng</li> <li>- Toán kinh tế</li> <li>- Toán tài chính</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Toán học tính toán</li> <li>- Toán giải tích</li> <li>- Phương pháp toán sơ cấp</li> </ul>

STT	Tên chuyên ngành đào tạo trình độ tiến sĩ	Ngành đại học đúng/phù hợp	Chuyên ngành thạc sĩ phù hợp
5	Cơ sở toán học cho tin học	- Toán học - Toán tin	- Tin học - Công nghệ thông tin - Bảo đảm toán học cho máy tính và hệ thống tính toán - Khoa học dữ liệu - Các chuyên ngành của ngành toán học
6	Toán ứng dụng	- Toán học - Toán ứng dụng	- Toán học tính toán - Phương pháp toán sơ cấp - Lí thuyết xác suất và thống kê toán học - Đại số và lí thuyết số - Hình học - tô pô - Lí thuyết xác suất và thống kê toán học - Toán giải tích - Phương trình vi phân và tích phân
7	Cơ học vật rắn	- Toán Cơ - Cơ học	- Cơ học chất lỏng - Cơ học chất lỏng và chất khí - Công nghệ kĩ thuật cơ khí - Cơ kĩ thuật - Toán giải tích - Lí thuyết xác suất và thống kê toán học - Toán ứng dụng - Đại số và lí thuyết số - Vật lí lí thuyết và vật lí toán
8	Vật lí lí thuyết và vật lí toán	Vật lí học	- Vật lí nguyên tử và hạt nhân - Vật lí chất rắn - Vật lí vô tuyến và điện tử - Quang học - Vật lí nhiệt - Vật lí địa cầu

STT	Tên chuyên ngành đào tạo trình độ tiến sĩ	Ngành đại học đúng/phù hợp	Chuyên ngành thạc sĩ phù hợp
9	Vật lí chất rắn	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Vật lí học</li> <li>- Khoa học vật liệu</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Vật lí lí thuyết và vật lí toán</li> <li>- Vật lí nguyên tử và hạt nhân</li> <li>- Vật lí vô tuyến và điện tử</li> <li>- Quang học</li> <li>- Vật lí nhiệt</li> <li>- Vật lí địa cầu</li> </ul>
10	Vật lí vô tuyến và điện tử	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Vật lí học</li> <li>- Kỹ thuật điện tử và tin học</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Vật lí lí thuyết và vật lí toán</li> <li>- Vật lí chất rắn</li> <li>- Vật lí nguyên tử và hạt nhân</li> <li>- Quang học</li> <li>- Vật lí nhiệt</li> <li>- Vật lí địa cầu</li> </ul>
11	Vật lí nguyên tử và hạt nhân	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Vật lí nguyên tử và hạt nhân</li> <li>- Kỹ thuật hạt nhân</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Vật lí lí thuyết và vật lí toán</li> <li>- Vật lí chất rắn</li> <li>- Vật lí vô tuyến và điện tử</li> <li>- Quang học</li> <li>- Vật lí nhiệt</li> <li>- Vật lí địa cầu</li> </ul>
12	Quang học	Vật lí học	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Vật lí lí thuyết và vật lí toán</li> <li>- Vật lí chất rắn</li> <li>- Vật lí vô tuyến và điện tử</li> <li>- Vật lí nguyên tử và hạt nhân</li> <li>- Vật lí nhiệt</li> <li>- Vật lí kĩ thuật</li> </ul>

STT	Tên chuyên ngành đào tạo trình độ tiến sĩ	Ngành đại học đúng/phù hợp	Chuyên ngành thạc sĩ phù hợp
13	Vật lí địa cầu	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Địa vật lí</li> <li>- Kỹ thuật địa vật lí</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Vật lí lí thuyết và vật lí toán</li> <li>- Vật lí chất rắn</li> <li>- Vật lí vô tuyến và điện tử</li> <li>- Vật lí nguyên tử và hạt nhân</li> <li>- Vật lí nhiệt</li> <li>- Quang học</li> <li>- Thiên văn học</li> <li>- Khoa học vật liệu</li> <li>- Địa lí học</li> <li>- Địa chất học</li> <li>- Kỹ thuật địa chất</li> </ul>
14	Vật lí nhiệt	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Vật lí học</li> <li>- Khoa học vật liệu</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Vật lí lí thuyết và vật lí toán</li> <li>- Vật lí chất rắn</li> <li>- Vật lí vô tuyến và điện tử</li> <li>- Vật lí nguyên tử và hạt nhân</li> <li>- Quang học</li> <li>- Vật lí kĩ thuật</li> </ul>
15	Hoá vô cơ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hóa học</li> <li>- Kỹ thuật hóa học</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hóa hữu cơ</li> <li>- Hóa phân tích</li> <li>- Hóa lí thuyết và hóa lí</li> <li>- Hóa dầu</li> <li>- Hóa môi trường</li> <li>- Hóa dược</li> <li>- Hóa sinh</li> <li>- Công nghệ hóa học</li> <li>- Sư phạm Hóa học</li> <li>- Môi trường đất và nước</li> <li>- Kỹ thuật môi trường</li> <li>- Thạch học khoáng vật và địa hóa</li> </ul>

STT	Tên chuyên ngành đào tạo trình độ tiến sĩ	Ngành đại học đúng/phù hợp	Chuyên ngành thạc sĩ phù hợp
16	Hoá hữu cơ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hóa học</li> <li>- Kỹ thuật hóa học</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hóa dược</li> <li>- Hóa vô cơ</li> <li>- Hóa phân tích</li> <li>- Hóa lí thuyết và hóa lí</li> <li>- Hóa môi trường</li> <li>- Hóa dầu</li> <li>- Hóa sinh học</li> </ul>
17	Hoá dầu	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hóa học</li> <li>- Kỹ thuật hóa học</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hóa vô cơ</li> <li>- Hóa hữu cơ</li> <li>- Hóa phân tích</li> <li>- Hóa lí thuyết và hóa lí</li> <li>- Hóa môi trường</li> <li>- Công nghệ hóa học</li> <li>- Kỹ thuật lọc hóa dầu</li> <li>- Hóa dược</li> <li>- Hóa sinh</li> </ul>
18	Hoá phân tích	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hóa học</li> <li>- Kỹ thuật hóa học</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hóa vô cơ</li> <li>- Hóa hữu cơ</li> <li>- Hóa lí thuyết và hóa lí</li> <li>- Hóa dầu</li> <li>- Hóa dược</li> <li>- Hóa môi trường</li> <li>- Kỹ thuật hóa học</li> <li>- Công nghệ hóa học</li> <li>- Hóa sinh học</li> <li>- Sư phạm Hóa học</li> </ul>

STT	Tên chuyên ngành đào tạo trình độ tiến sĩ	Ngành đại học đúng/phù hợp	Chuyên ngành thạc sĩ phù hợp
19	Hoá lí thuyết và hóa lí	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hóa học</li> <li>- Kỹ thuật hóa học</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hóa vô cơ</li> <li>- Hóa hữu cơ</li> <li>- Hóa phân tích</li> <li>- Hóa dầu</li> <li>- Công nghệ kĩ thuật hóa học</li> <li>- Hóa môi trường</li> <li>- Vật liệu cao phân tử và tổ hợp</li> <li>- Hóa học các hợp chất thiên nhiên</li> <li>- Hóa dược</li> <li>- Sư phạm Hóa học</li> <li>- Hóa sinh học</li> <li>- Hóa sinh dược</li> <li>- Khoa học vật liệu</li> <li>- Kỹ thuật vật liệu</li> <li>- Vật lí chất rắn</li> <li>- Vật lí nguyên tử</li> <li>- Công nghệ sinh học</li> <li>- Công nghệ nano</li> </ul>



STT	Tên chuyên ngành đào tạo trình độ tiến sĩ	Ngành đại học đúng/phù hợp	Chuyên ngành thạc sĩ phù hợp
20	Hoá môi trường	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hóa học</li> <li>- Kỹ thuật hóa học</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hóa vô cơ</li> <li>- Hóa hữu cơ</li> <li>- Hóa phân tích</li> <li>- Hóa lí thuyết và hóa lí</li> <li>- Công nghệ hóa học</li> <li>- Kỹ thuật môi trường</li> <li>- Công nghệ môi trường</li> <li>- Hóa dầu</li> <li>- Hóa dược</li> <li>- Hóa sinh</li> <li>- Sư phạm Hóa học</li> <li>- Khoa học môi trường</li> <li>- Môi trường và phát triển bền vững</li> <li>- Công nghệ sinh học</li> <li>- Quản lí tài nguyên và môi trường</li> <li>- Địa chất môi trường</li> </ul>
21	Nhân chủng học	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sinh học</li> <li>- Công nghệ sinh học</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sinh học thực nghiệm</li> <li>- Di truyền học</li> <li>- Vi sinh vật học</li> </ul>
22	Động vật học	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sinh học</li> <li>- Công nghệ sinh học</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thủy sinh vật học</li> <li>- Sinh thái học</li> </ul>
23	Sinh lí người và động vật	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sinh học</li> <li>- Công nghệ sinh học</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sinh học thực nghiệm</li> <li>- Động vật học</li> <li>- Di truyền học</li> <li>- Vi sinh vật học</li> <li>- Hóa sinh học</li> </ul>
24	Côn trùng học	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sinh học</li> <li>- Công nghệ sinh học</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Động vật học</li> <li>- Thủy sinh vật học</li> <li>- Sinh thái học</li> <li>- Thực vật học</li> </ul>

<b>STT</b>	<b>Tên chuyên ngành đào tạo trình độ tiến sĩ</b>	<b>Ngành đại học đúng/phù hợp</b>	<b>Chuyên ngành thạc sĩ phù hợp</b>
25	Vi sinh vật học	- Sinh học - Công nghệ sinh học	- Sinh học thực nghiệm - Hóa sinh học - Di truyền học
26	Thủy sinh vật học	- Sinh học - Công nghệ sinh học	- Động vật học - Sinh thái học - Thực vật học
27	Thực vật học	- Sinh học - Công nghệ sinh học	- Sinh thái học - Thủy sinh vật học - Lâm học - Quản lí, bảo vệ tài nguyên rừng - Cây trồng - Bảo vệ thực vật
28	Hoá sinh học	- Sinh học - Công nghệ sinh học	- Sinh học thực nghiệm - Vi sinh vật học - Di truyền học - Sinh lí người và động vật - Tế bào học - Sinh lí thực vật
29	Sinh thái học	- Sinh học - Công nghệ sinh học	- Động vật học - Thủy sinh vật học - Thực vật học - Thủy sinh vật học - Quản lí tài nguyên và môi trường - Khoa học bền vững - Biến đổi khí hậu - Môi trường và phát triển bền vững
30	Di truyền học	- Sinh học - Công nghệ sinh học	- Hóa sinh học - Sinh học thực nghiệm - Vi sinh vật học

STT	Tên chuyên ngành đào tạo trình độ tiến sĩ	Ngành đại học đúng/phù hợp	Chuyên ngành thạc sĩ phù hợp
31	Bản đồ, viễn thám hệ thông tin địa lí	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bản đồ học</li> <li>- Khoa học thông tin địa không gian</li> <li>- Địa lí tự nhiên</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Địa lí học</li> <li>- Địa mạo và cổ địa lí</li> <li>- Sinh thái cảnh quan và môi trường</li> <li>- Trắc địa</li> <li>- Trắc địa bản đồ</li> <li>- Tin học trắc địa</li> <li>- Trắc địa ảnh - viễn thám và GIS</li> <li>- Bản đồ và GIS</li> <li>- Địa chất</li> <li>- Môi trường</li> <li>- Công nghệ môi trường</li> <li>- Khí tượng</li> <li>- Thủy văn học</li> <li>- Hải dương học</li> <li>- Quản lí tài nguyên thiên nhiên</li> <li>- Quản lí đất đai</li> <li>- Quản lí tài nguyên và môi trường</li> <li>- Lâm nghiệp</li> <li>- Nông nghiệp</li> <li>- Sinh học</li> <li>- Thổ nhưỡng</li> <li>- Quy hoạch đô thị</li> <li>- Quản lí đô thị</li> <li>- Quy hoạch nông thôn</li> <li>- Quy hoạch kĩ thuật hạ tầng</li> </ul>

STT	Tên chuyên ngành đào tạo trình độ tiến sĩ	Ngành đại học đúng/phù hợp	Chuyên ngành thạc sĩ phù hợp
32	Địa lí tự nhiên	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Địa lí tự nhiên</li> <li>- Địa lí học</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quản lí tài nguyên thiên nhiên</li> <li>- Quản lí tài nguyên và môi trường</li> <li>- Bản đồ, viễn thám và hệ thống tin địa lí</li> <li>- Địa chất học</li> <li>- Khoa học môi trường</li> <li>- Khí tượng</li> <li>- Thủy văn học</li> <li>- Hải dương học</li> <li>- Quản lí đất đai</li> <li>- Lâm nghiệp</li> <li>- Nông nghiệp</li> <li>- Sinh học</li> </ul>
33	Quản lí tài nguyên và môi trường	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Địa lí tự nhiên</li> <li>- Quản lí tài nguyên thiên nhiên</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các chuyên ngành thuộc ngành Địa lí tự nhiên</li> <li>- Quản lí tài nguyên thiên nhiên</li> <li>- Địa chất học</li> <li>- Kỹ thuật địa chất</li> <li>- Khoa học môi trường</li> <li>- Công nghệ kỹ thuật môi trường</li> <li>- Khí tượng và khí hậu học</li> <li>- Thủy văn học</li> <li>- Hải dương học</li> <li>- Địa chính</li> <li>- Quản lí đất đai</li> <li>- Khoa học đất</li> <li>- Lâm nghiệp</li> <li>- Quản lí tài nguyên rừng</li> <li>- Sinh học</li> <li>- Sinh thái học</li> <li>- Công nghệ sinh học</li> <li>- Khoa học thông tin địa không gian</li> <li>- Nông nghiệp</li> </ul>

STT	Tên chuyên ngành đào tạo trình độ tiến sĩ	Ngành đại học đúng/phù hợp	Chuyên ngành thạc sĩ phù hợp
34	Quản lý đất đai	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quản lý đất đai</li> <li>- Địa chính</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Địa lí học</li> <li>- Địa lí tự nhiên</li> <li>- Địa lí tài nguyên và môi trường</li> <li>- Bản đồ, viễn thám và hệ thống tin địa lí</li> <li>- Kỹ thuật trắc địa - bản đồ</li> <li>- Bản đồ học</li> <li>- Quản lý tài nguyên và môi trường</li> <li>- Khoa học môi trường</li> <li>- Môi trường và phát triển bền vững</li> <li>- Môi trường đất và nước</li> <li>- Khoa học đất</li> <li>- Quản lý tài nguyên rừng</li> </ul>
35	Địa chất học	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Địa chất học</li> <li>- Các ngành thuộc khối khoa học trái đất</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Địa kĩ thuật - Địa môi trường</li> <li>- Kỹ thuật địa chất</li> <li>- Kỹ thuật địa vật lí</li> <li>- Quản lý tài nguyên thiên nhiên</li> <li>- Quản lý tài nguyên và môi trường</li> <li>- Kỹ thuật tuyển khoáng</li> <li>- Kỹ thuật mỏ</li> <li>- Kỹ thuật thăm dò và khảo sát</li> <li>- Địa kĩ thuật xây dựng</li> <li>- Khoa học đất</li> <li>- Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông</li> <li>- Các ngành liên quan đến nền địa chất</li> <li>- Hóa phân tích</li> </ul>

STT	Tên chuyên ngành đào tạo trình độ tiến sĩ	Ngành đại học đúng/phù hợp	Chuyên ngành thạc sĩ phù hợp
36	Thạch học khoáng vật và địa hóa	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Địa chất học</li> <li>- Các ngành thuộc khối khoa học trái đất</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Địa kỹ thuật - Địa môi trường</li> <li>- Kỹ thuật địa chất</li> <li>- Kỹ thuật địa vật lý</li> <li>- Quản lý tài nguyên thiên nhiên</li> <li>- Quản lý tài nguyên và môi trường</li> <li>- Kỹ thuật tuyển khoáng</li> <li>- Kỹ thuật mỏ</li> <li>- Kỹ thuật thăm dò và khảo sát</li> <li>- Địa kỹ thuật xây dựng</li> <li>- Khoa học đất</li> <li>- Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông</li> <li>- Các ngành liên quan đến nền địa chất</li> <li>- Hóa phân tích</li> </ul>
37	Khí tượng học	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Khí tượng học</li> <li>- Khí tượng và khí hậu học</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hải dương học</li> <li>- Thủy văn học</li> <li>- Công nghệ biển</li> <li>- Thiên văn học</li> <li>- Toán học tính toán</li> <li>- Cơ học</li> <li>- Công nghệ thông tin</li> <li>- Vật lý học</li> <li>- Hóa học</li> <li>- Khoa học môi trường</li> </ul>

STT	Tên chuyên ngành đào tạo trình độ tiến sĩ	Ngành đại học đúng/phù hợp	Chuyên ngành thạc sĩ phù hợp
38	Thủy văn học	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thủy văn học</li> <li>- Thủy văn môi trường</li> <li>- Kỹ thuật tài nguyên nước</li> <li>- Quản lý tài nguyên nước</li> <li>- Tài nguyên và môi trường nước</li> <li>- Địa chất thủy văn</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quản lý và giảm nhẹ thiên tai</li> <li>- Hải dương học</li> <li>- Khí tượng và khí hậu học</li> <li>- Khoa học môi trường</li> <li>Kỹ thuật môi trường</li> <li>- Địa chất môi trường</li> <li>- Địa lý tự nhiên</li> <li>- Bản đồ, viễn thám và hệ thống tin địa lý</li> <li>- Quản lý tài nguyên và môi trường</li> <li>- Vật lý địa cầu</li> <li>- Cơ học chất lỏng và chất khí</li> <li>- Thủy lợi - Thủy điện</li> <li>- Công trình thủy</li> </ul>
39	Hải dương học	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hải dương học</li> <li>- Kỹ thuật công trình biển</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Khí tượng học</li> <li>- Khí hậu học</li> <li>- Vật lý khí quyển</li> <li>- Thủy văn học</li> <li>- Tài nguyên nước</li> <li>- Môi trường</li> <li>- Địa lý</li> <li>- Toán Cơ</li> </ul>

STT	Tên chuyên ngành đào tạo trình độ tiến sĩ	Ngành đại học đúng/phù hợp	Chuyên ngành thạc sĩ phù hợp
40	Khoa học môi trường	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Khoa học môi trường</li> <li>- Môi trường và phát triển bền vững</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Khoa học đất</li> <li>- Kỹ thuật môi trường</li> <li>- Quản lý tài nguyên thiên nhiên và môi trường</li> <li>- Biến đổi khí hậu</li> <li>- Khoa học bền vững</li> <li>- Hóa môi trường</li> <li>- Sinh thái học</li> <li>- Nông nghiệp</li> <li>- Khoa học thủy lợi</li> <li>- Hóa học</li> <li>- Khoa học trái đất</li> <li>- Kinh tế tài nguyên</li> <li>- Kinh tế môi trường</li> <li>- Kinh tế nông nghiệp</li> </ul>
41	Môi trường đất và nước	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Khoa học môi trường</li> <li>- Môi trường và phát triển bền vững</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Khoa học đất</li> <li>- Kỹ thuật môi trường</li> <li>- Nông nghiệp</li> <li>- Quản lý tài nguyên và môi trường</li> <li>- Hóa môi trường</li> <li>- Sinh thái học</li> <li>- Biến đổi khí hậu</li> <li>- Khoa học bền vững</li> <li>- Khoa học thủy lợi</li> <li>- Hóa học</li> <li>- Khoa học trái đất</li> </ul>



STT	Tên chuyên ngành đào tạo trình độ tiến sĩ	Ngành đại học đúng/phù hợp	Chuyên ngành thạc sĩ phù hợp
42	Khoa học đất	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Khoa học đất</li> <li>- Khoa học môi trường</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nông nghiệp</li> <li>- Địa chất</li> <li>- Địa chính</li> <li>- Cải tạo đất</li> <li>- Quản lý tài nguyên thiên nhiên</li> <li>- Khoa học bền vững</li> <li>- Thủy nông</li> <li>- Kinh tế nông nghiệp</li> </ul>
43	Kỹ thuật môi trường	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kỹ thuật môi trường</li> <li>- Khoa học môi trường</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hóa môi trường</li> <li>- Công nghệ sinh học</li> <li>- Kỹ thuật nông nghiệp</li> <li>- Khoa học đất</li> <li>- Địa kỹ thuật</li> <li>- Môi trường và phát triển bền vững</li> </ul>

## Phụ lục 5

## Danh sách người hướng dẫn đáp ứng đủ điều kiện hướng dẫn NCS, lĩnh vực nghiên cứu, hướng nghiên cứu

STT	Cán bộ hướng dẫn	Lĩnh vực nghiên cứu	Hướng nghiên cứu	Số NCS có thể hướng dẫn	Ghi chú
1.	TS. Lê Hồng Phương	- Khoa học dữ liệu - Học máy - Xử lí ngôn ngữ	- Một số phương pháp học tự động tích hợp cơ sở tri thức - Một số mô hình học tự động biểu diễn cấu trúc ngôn ngữ tự nhiên và ứng dụng	02	
2.	PGS.TS. Phó Đức Tài	Hình học đại số	- Mật mã khóa công khai từ các đường cong kỳ dị - Một số vấn đề về cấu trúc nhóm của đường cong elliptic	02	
3.	PGS. TSKH. Vũ Hoàng Linh	- Giải tích số - Phương trình vi phân và hệ động lực	- Dạng điều tiệm cận và tính ổn định của phương trình vi phân đại số - Khoảng phổ cho phương trình sai phân ẩn và phương pháp tính xấp xỉ	01	
4.	PGS.TS. Nguyễn Thạc Dũng	Giải tích phức	Các hàm p-điều hòa có trọng và tính chất hình học, tô pô của các đa tạp Riemann	02	
5.	GS.TSKH. Nguyễn Hữu Việt Hưng	Tô pô Đại số	Điều kiện Margolis của bất biến dưới tác động của các nhóm con của nhóm tuyến tính tổng quát và K-lý thuyết Morava của các nhóm hữu hạn cổ điển.	02	
6.	PGS.TS. Trần Thanh Tuấn	Kỹ thuật tỷ số H/V Truyền sóng	- Kỹ thuật tỷ số H/V trong môi trường phân lớp đàn nhớt - Bài toán truyền sóng trong một số môi trường vật liệu phức tạp theo lý thuyết nonlocal.	01	
7.	GS.TSKH. Đặng Hùng Thắng	Giải tích ngẫu nhiên	Một số vấn đề của giải tích ngẫu nhiên trên không gian Banach xác suất	02	
8.	TS. Nguyễn Hải Vinh	Mạng nơ ron nhân tạo	Hình học nhiệt đới và ứng dụng trong mạng nơ ron học sâu	01	
9.	TS. Đặng Anh Tuấn	- Lý thuyết toán tử vi phân	Dạng điều tiệm cận của các phương trình tiến hóa và ứng dụng trong các phương trình vật lý toán	01	

STT	Cán bộ hướng dẫn	Lĩnh vực nghiên cứu	Hướng nghiên cứu	Số NCS có thể hướng dẫn	Ghi chú
		- Lý thuyết phổ - Giải tích điều hòa			
10.	PGS. TS. Lê Minh Hà	Tô pô Đại số	Một số vấn đề về toán tử đối đồng điều	02	
11.	GS. TS. Phạm Chí Vĩnh	- Thuần nhất hóa (Homogenization) - Sóng mặt - Phương pháp hàm phức trong các bài toán truyền sóng mặt - Dạng tiệm cận của các phương trình tán sắc	- Thuần nhất hóa biên phân chia có độ nhám cao - Phương pháp tích phân đầu và sóng mặt - Các công thức vận tốc sóng Rayleigh và Stoneley - Sóng trong các cấu trúc mỏng	02	
12.	PGS.TS Nguyễn Tiên Dũng	Giải tích ngẫu nhiên	Một số ứng dụng của giải tích ngẫu nhiên Malliavin	01	
		Lý thuyết xác suất và thống kê	Nghiên cứu tốc độ hội tụ trong định lý giới hạn cho các thống kê phi tuyến	01	
13.	PGS.TS. Lê Quý Thường	Hình học đại số	Thớ Milnor motivic và phổ Hodge-Steenbrink của kì dị siêu mặt phức	01	
		Hình học đại số	Idêan bội và Giả thuyết đơn đạo cho các kì dị thuần nhất và kiểu Thom-Sebastiani suy rộng	01	
14.	TS. Phạm Văn Thắng	Hình học tổ hợp	Một số bài toán Ramsey hình học trong không gian hữu hạn	01	
		Tổ hợp cộng tính	Một số chủ đề trong Tổ hợp cộng tính và Tổ hợp lý thuyết số	01	
		Hình học độ đo	Sự tồn tại của các cấu trúc hình học trong các tập Fractal trong không gian Euclidean	01	
		Hình học độ đo và Hình học tổ hợp	Lý thuyết hạn chế và ứng dụng trong Hình học tổ hợp	01	
15.	TS. Đào Phương Bắc	Nhóm đại số và Hình	Về tô pô của quỹ đạo dưới tác động của nhóm đại	01	

STT	Cán bộ hướng dẫn	Lĩnh vực nghiên cứu	Hướng nghiên cứu	Số NCS có thể hướng dẫn	Ghi chú
		học đại số	số		
16.	TS. Đỗ Thanh Hà	Xử lý ảnh tài liệu Học máy và trí tuệ nhân tạo	Nghiên cứu ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong xử lý ảnh tài liệu	01	
		Thị giác máy tính Xử lý ảnh y tế Học máy và trí tuệ nhân tạo	Trí tuệ nhân tạo và ứng dụng trong nghiên cứu hỗ trợ chẩn đoán ung thư dựa trên hình ảnh	01	
		Xử lý dữ liệu video thời gian thực Thị giác máy tính Trí tuệ nhân tạo	Phân tích và nhận dạng hành vi của đối tượng trong các video giám sát	01	
17.	TS. Đỗ Việt Cường	Hình học đại số, các dạng tự đẳng cấu.	Một số vấn đề liên quan đến công thức vết tương đối	01	
18.	TS. Tạ Công Sơn	Xác suất thống kê	Dáng điệu tiệm cận của một số ước lượng trong các mô hình thống kê	01	
19.	TS. Nguyễn Thị Minh Huyền	Xử lý ngôn ngữ tự nhiên	Chủ đề nghiên cứu: Phân tích ngữ nghĩa văn bản tiếng Việt	01	
20.	PGS. TS. Phạm Trọng Tiến	Giải tích	Toán tử trên các không gian hàm	01	
21.	TS. Lê Huy Tiễn	Hệ động lực Giải tích đa trị	Tính bóng, tính giãn, tính giãn suy rộng, và tính hyperbolic của hệ động lực đa trị	01	
22.	TS. Nguyễn Trọng Hiếu	Phương trình vi phân, hệ động lực	Các mô hình toán ứng dụng (trong sinh thái, y học, kinh tế ...)	01	
23.	GS.TS. Nguyễn Quang Báo	- Vật lý - Vật lý lý thuyết và Vật lý toán	- Lý thuyết lượng tử về một số Hiệu ứng động trong Graphene hai chiều - Lý thuyết lượng tử về một số Hiệu ứng động trong Hồ lượng tử bán parabol bất đối xứng	02	Hỗ trợ tham gia nhóm nghiên cứu mạnh và đề tài QG
24.	GS.TS. Hà Huy Bằng	- Vật lý - Vật lý lý thuyết và Vật	- Độ hao hụt năng lượng ở các vụ nổ vũ trụ - Tìm kiếm các hạt mới trong Mô hình chuẩn mở	02	Hỗ trợ tham đề tài QG

STT	Cán bộ hướng dẫn	Lĩnh vực nghiên cứu	Hướng nghiên cứu	Số NCS có thể hướng dẫn	Ghi chú
		lý toán	rộng		
25.	PGS.TS. Nguyễn Thế Toàn	- Vật lý - Vật lý lý thuyết và Vật lý toán	- Tính toán mô phỏng phối tử tiềm năng cho các đích protein của virus SAR-COVID 2	01	Hỗ trợ tham gia nhóm nghiên cứu mạnh và đề tài QG
26.	PGS.TS. Nguyễn Quang Hưng	- Vật lý - Vật lý lý thuyết và Vật lý toán	- Lý thuyết trường lượng tử không giao hoán	01	Hỗ trợ tham đề tài QG
27.	PGS.TS. Nguyễn Thế Bình	- Quang học - Quang phổ, laser và ứng dụng	-Tán xạ Raman tăng cường bề mặt (SERS) và ứng dụng - Chế tạo hạt nano bằng kỹ thuật laser	02	
28.	TS. Hoàng Chí Hiếu	- Quang học phi tuyến - Khoa học vật liệu	Sự phát hòa ba bậc hai/tần số tổng quang học trên các bề mặt/cấu trúc nano	01	
29.	TS. Bùi Hồng Vân	Tính chất quang của vật liệu nano	Nghiên cứu chế tạo vật liệu nano định hướng ứng dụng trong quang xúc tác, y sinh	01	
30.	PGS.TS. Mai Hồng Hạnh	- Quang học - Quang phổ, laser và ứng dụng - Tính chất quang của vật liệu	- Nghiên cứu chế tạo vi cầu laser và laser ngẫu nhiên định hướng ứng dụng trong sinh học, y học - Nghiên cứu chế tạo vật liệu nano định hướng ứng dụng trong cảm biến, y sinh	02	Hỗ trợ tham gia đề tài Nafosted
31.	TS. Trần Hải Đức	Vật lý siêu dẫn nhiệt độ cao và ứng dụng	- Nghiên cứu cơ chế tăng mật độ dòng tới hạn của siêu dẫn nhiệt độ cao dựa trên các mô hình ghim từ thông (lý thuyết và thực nghiệm) - Nghiên cứu sự đồng tồn tại của hai pha sắt từ và siêu dẫn có cấu trúc nano. - Nghiên cứu mối liên hệ giữa đối cấu trúc địa phương và tính chất siêu dẫn của hệ siêu dẫn nhiệt độ cao khi có thay thế, pha tạp thông qua phương pháp phân tích EXAFS	03	- Hỗ trợ tham gia đề tài Nafosted - Hỗ trợ NCS xin học bổng Vingroup, học bổng ĐHQGHN

STT	Cán bộ hướng dẫn	Lĩnh vực nghiên cứu	Hướng nghiên cứu	Số NCS có thể hướng dẫn	Ghi chú
			- Nghiên cứu quá trình hình thành và ảnh hưởng các cấu trúc nano một chiều sử dụng máy gia tốc chiếu xạ ion lên đến các tính chất tới hạn của màng siêu dẫn nhiệt độ cao		
32.	PGS.TS. Lê Tuấn Tú	- Vật lý nhiệt - Vật lý chất rắn	- Nghiên cứu về vật liệu nano từ tính và ứng dụng - Nghiên cứu về chấm lượng tử Carbon - Vật liệu đa chức năng và các ứng dụng	03	- Hỗ trợ tham đề tài ARC - Hỗ trợ NCS xin học bổng Vingroup, học bổng ĐHQGHN
33.	PGS.TS. Đỗ Thị Kim Anh	- Vật lý nhiệt - Vật lý chất rắn	- Nghiên cứu ảnh hưởng của một số nguyên tố thay thế lên cấu trúc và tính chất từ của một số vật liệu từ nhiệt thể hệ mới - Nghiên cứu ảnh hưởng của áp suất lên cấu trúc và tính chất vật lý của một số vật liệu nhiệt điện	02	
34.	PGS.TS. Đỗ Quang Trung PGS.TS. Nguyễn Minh Phương	Hóa môi trường	Nghiên cứu quá trình hấp phụ và phân hủy sinh học một số hóa chất bảo vệ thực vật tồn lưu trong môi trường	01	Hỗ trợ tham gia nhóm nghiên cứu mạnh
35.	PGS.TS. Đỗ Quang Trung TS. Nguyễn Minh Việt	Hóa môi trường	Nghiên cứu chế tạo vật liệu hấp thu trên cơ sở biến tính khoáng Vermiculite và khảo sát khả năng xử lý ô nhiễm dầu	01	Hỗ trợ tham gia đề tài NAFOSTED tiềm năng
36.	PGS.TS. Đỗ Quang Trung PGS.TS. Trần Mạnh Trí	Hóa môi trường	Nghiên cứu sự phân bố và đặc tính của một số chất ô nhiễm hóa học mới nổi lên (Emerging Chemical as Pollutants) trong môi trường nước và trầm tích sông hồ nội thành Hà Nội	01	Hỗ trợ tham gia nhóm nghiên cứu mạnh
37.	PGS.TS. Đỗ Quang Trung TS. Phương Thảo	Hóa môi trường	Nghiên cứu quá trình đồng phân hủy sinh học kỵ khí dầu mỡ thải và chất thải hữu cơ để tạo khí sinh học và phân bón hữu cơ vi sinh	01	Hỗ trợ tham gia đề tài Sở khoa học công nghệ

STT	Cán bộ hướng dẫn	Lĩnh vực nghiên cứu	Hướng nghiên cứu	Số NCS có thể hướng dẫn	Ghi chú
					Hà Nội
38.	PGS.TS. Nguyễn Minh Phương	Hóa môi trường	- Nghiên cứu chế tạo vật liệu lọc, ứng dụng xử lý nước nhiễm mặn, phục vụ mục đích nông nghiệp	01	Hỗ trợ tham gia nhóm nghiên cứu mạnh
			Nghiên cứu thu hồi các thành phần có giá trị trong tro xỉ lò đốt rác thải sinh hoạt, ứng dụng trong xử lý môi trường và cải tạo đất	01	Hỗ trợ tham gia đề tài cấp Bộ
39.	TS. Nguyễn Minh Việt GS.TS. Nguyễn Văn Nội	Hóa môi trường	- Xúc tác quang hóa vùng khả kiến áp dụng để xử lý các chất hữu cơ ô nhiễm	01	Hỗ trợ tham gia đề tài Nghị định thư
			- Vật liệu biến tính trên cơ sở than sinh học ứng dụng trong xử lý các chất ô nhiễm và cải tạo đất	01	Hỗ trợ tham gia nhóm nghiên cứu mạnh
40.	TS. Nguyễn Minh Việt PGS.TS. Nguyễn Minh Phương	Hóa môi trường	Vật liệu có bề mặt siêu kỵ nước ứng dụng trong phân tách dầu	01	Hỗ trợ tham gia đề tài NAFOSTED tiềm năng
41.	PGS.TS. Trần Đình Trinh TS. Hà Minh Ngọc	Hóa môi trường	Nghiên cứu chế tạo vật liệu xúc tác-hấp phụ để xử lý kháng sinh trong môi trường nước.	01	Hỗ trợ tham gia nhóm nghiên cứu mạnh
42.	TS. Phạm Thanh Đồng GS.TS. Nguyễn Văn Nội	Hoá môi trường	Nghiên cứu tổng hợp vật liệu xúc tác quang vùng khả kiến ứng dụng trong xử lý ô nhiễm môi trường	01	Hỗ trợ tham gia đề tài cấp Đại học Quốc gia và cấp nhà nước (NAFOSTED)
43.	PGS.TS. Nguyễn Xuân Hoàn	Hóa lí thuyết và hóa lí	Nghiên cứu chế tạo vật liệu polyme composit chứa các hạt nano/micro đa chức năng trên cơ sở titanat	01	
44.	PGS.TS. Nguyễn Minh Ngọc	- Hóa học polyme	- Vật liệu polyme phân hủy sinh học	02	Đồng hướng dẫn

STT	Cán bộ hướng dẫn	Lĩnh vực nghiên cứu	Hướng nghiên cứu	Số NCS có thể hướng dẫn	Ghi chú
		- Hóa lí thuyết và hóa lí	- Vật liệu polyme phát quang - Polymer electrolyte - Keo dán hiệu năng cao - Sơn chống hà - Tái chế nhựa		cùng cán bộ trong Khoa
45.	TS. Phạm Tiến Đức	Hoá phân tích	- Phân tích đánh giá phân bố kim loại nặng và PAHs trong trầm tích rừng ngập mặn sử dụng các phương pháp phân tích hiện đại kết hợp với trí tuệ nhân tạo - Chế tạo vật liệu hấp phụ mới cấu trúc lõi vỏ ứng dụng trong phân tích lượng vết	02	Hỗ trợ tham gia đề tài cấp Đại học Quốc gia và NAFOSTED
46.	TS. Phạm Văn Phong	Hóa hữu cơ	Xúc tác hóa học xanh	01	Hỗ trợ bằng kinh phí của PTN
47.	PGS.TS. Trần Thị Thanh Vân	Hóa hữu cơ	Tổng hợp các hợp chất thiocrown hoặc aza crown ether	01	Hỗ trợ tham gia đề tài cấp Đại học Quốc gia và NAFOSTED
48.	PGS.TS. Phan Minh Giang	Hóa hữu cơ	Nghiên cứu các hợp chất thiên nhiên và các hợp chất chuyển hóa có hoạt tính sinh học	01	
49.	TS. Đặng Thanh Tuấn	Hóa hữu cơ	- Tổng hợp một số hợp chất dị vòng mới có hoạt tính chống ung thư - Phát triển các hệ xúc tác mới (đồng thể và dị thể) và đánh giá hoạt tính xúc tác trong một số phản ứng Hữu cơ quan trọng - Phát triển một số vật liệu Hữu cơ phát quang mới (OLEDs) chứa một số hệ dị vòng liên hợp	02	Hỗ trợ tham gia đề tài VINIF và NAFOSTED
50.	GS.TS. Nguyễn Đình Thành	Hóa hữu cơ	Nghiên cứu phản ứng click từ các hợp phân monosaccharide và dị vòng chứa oxy và nito	02	Hỗ trợ tham gia đề tài



STT	Cán bộ hướng dẫn	Lĩnh vực nghiên cứu	Hướng nghiên cứu	Số NCS có thể hướng dẫn	Ghi chú
					NAFOSTED
51.	GS.TS. Phan Tuấn Nghĩa TS. Nguyễn Thị Hồng Loan	Hóa sinh và Sinh học phân tử	Phát hiện và đánh giá tác nhân gây bệnh ở người	01	
52.	PGS.TS. Nguyễn Đình Thắng TS. Phạm Thị Lương Hằng	Hóa sinh và Sinh học phân tử	Phân lập, định loại các chủng vi khuẩn lam bằng phương pháp kết hợp giữa phân tích hình thái và phân tích sinh học phân tử.	01	
53.	PGS.TS. Nguyễn Đình Thắng TS. Phạm Thị Lương Hằng	Hóa sinh và Sinh học phân tử	Nghiên cứu sàng lọc, xác định và thu nhận các chất có hoạt tính sinh học từ vi khuẩn lam	01	
54.	PGS.TS. Nguyễn Văn Vịnh	- Côn trùng học - Thủy sinh vật học	- Nghiên cứu đa dạng sinh học Phù du (Ephemeroptera) ở Việt Nam - Biện pháp sinh học phòng trừ các véc tơ truyền bệnh.	02	Hỗ trợ tham gia đề tài cấp nhà nước
55.	PGS.TS. Trần Anh Đức	- Côn trùng học - Thủy sinh vật học	Nghiên cứu phân loại và ứng dụng côn trùng nước bộ Hemiptera ở Việt Nam	01	
56.	TS. Đỗ Đức Sáng	Động vật học	Nghiên cứu đa dạng sinh học Thân mềm ở cạn (Mollusca) tại Việt Nam	01	
57.	Đỗ Thị Xuyên	Thực vật học	Tài nguyên thực vật	01	
58.	TS. Lê Quỳnh Mai TS. Lê Hồng Điệp	- Sinh lý thực vật - Di truyền thực vật	Cải biến di truyền cây trồng	01	
59.	PGS.TS. Phạm Thế Hải TS. Trần Thị Thanh Huyền	- Vi sinh vật học - Công nghệ sinh học môi trường	Vi sinh vật phân giải DDT và Lindane: từ genome đến phát triển công nghệ xử lý ô nhiễm	01	
60.	PGS.TS. Phạm Thế Hải	- Vi sinh vật học - Công nghệ sinh học nông nghiệp	Hệ thống sinh điện hóa và ứng dụng trong kiểm soát vi sinh vật gây bệnh thủy sản	01	
61.	PGS.TS. Trần Văn Tuấn	Vi sinh vật học và Công nghệ sinh học	Cải biến di truyền nấm sử dụng hệ thống chỉnh sửa hệ gen CRISPR/Cas	01	
62.	PGS.TS. Trần Văn Tuấn	Vi sinh vật học và Công	Phát triển hệ thống chuyển gen mới ở nấm sợi và	01	

STT	Cán bộ hướng dẫn	Lĩnh vực nghiên cứu	Hướng nghiên cứu	Số NCS có thể hướng dẫn	Ghi chú
		nghệ sinh học	nấm dược liệu sử dụng vi khuẩn <i>Agrobacterium tumefaciens</i>		
63.	PGS.TS. Nguyễn Thị Hồng Vân	Di truyền học	Nghiên cứu cơ sở di truyền học phân tử bệnh/rối loạn chuyển hóa di truyền và ứng dụng trong sàng lọc, chẩn đoán	01	
64.	TS. Nguyễn Thành Nam	- Động vật học - Sinh thái học thủy vực	- Nghiên cứu nguồn lợi cá vùng biển ven bờ từ Quảng Ninh đến Quảng Ngãi - Nghiên cứu phát triển và xây dựng cơ sở dữ liệu môi trường phóng xạ trong thủy sinh vật khu vực biển ven bờ và hải đảo của Việt Nam	02	Tham gia trực tiếp thực hiện đề tài/ dự án
65.	TS. Nguyễn Vĩnh Thanh	- Động vật học - Sinh thái học	- Nghiên cứu tập tính và sinh thái học linh trưởng - Nghiên cứu phân bố địa lý của linh trưởng dưới ảnh hưởng của điều kiện tự nhiên và dự đoán phân bố theo kịch bản biến đổi khí hậu - Nghiên cứu phát hiện các loài lưỡng cư, bò sát mới	01	Tham gia trực tiếp thực hiện đề tài/ dự án
66.	OPGS TS Trịnh Hồng Thái TS Nguyễn Thị Tú Linh, TS Bùi Phương Thảo	Sinh học người	Nghiên cứu các biến đổi của DNA, RNA không ghi mã và protein trong bệnh ung thư và bệnh tự miễn ở người	01-02	
67.	TS. Vũ Thị Thu	Sinh lý học	Phân tích sàng lọc chất/ vật liệu sinh học trong bệnh chuyển hoá, tim mạch	01	
68.	GS.TS. Nguyễn Cao Huân PGS.TS. Phạm Quang Tuấn PGS.TS. Đặng Văn Bào TS. Phạm Quang Anh TS. Trần Văn Trường	- Địa lý tự nhiên - Quản lý tài nguyên và môi trường	- Sử dụng hợp lý tài nguyên và bảo vệ môi trường - Quy hoạch không gian phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường	01-02	
69.	PGS.TS. Phạm Quang Tuấn TS. Phạm Quang Anh PGS.TS. Nguyễn Thị Hải	- Quản lý tài nguyên và môi trường - Địa lý tự nhiên	Quy hoạch và tổ chức lãnh thổ đô thị, nông thôn	01-02	

STT	Cán bộ hướng dẫn	Lĩnh vực nghiên cứu	Hướng nghiên cứu	Số NCS có thể hướng dẫn	Ghi chú
70.	PGS.TS. Đặng Văn Bào PGS.TS. Vũ Văn Phái PGS.TS. Nguyễn Hiệu TS. Phạm Quang Anh PGS.TS. Nguyễn Thị Hải	- Địa lý tự nhiên - Quản lý tài nguyên và môi trường - Địa mạo và Địa lý - Môi trường biển	- Phát triển kinh tế biển đảo - Sử dụng hợp lý tài nguyên và bảo vệ môi trường biển	01-02	
71.	PGS.TS. Phạm Quang Tuấn PGS.TS. Trần Văn Tuấn GS.TS. Nguyễn Cao Huân	- Quản lý đất đai - Quản lý tài nguyên và môi trường - Địa lý tự nhiên	Sử dụng hợp lý tài nguyên và bảo vệ môi trường đất	01-02	
72.	PGS.TS. Đặng Văn Bào PGS.TS. Nguyễn Hiệu	- Địa mạo và Cổ địa lý - Quản lý tài nguyên và môi trường	- Địa mạo ứng dụng - Quản lý đới bờ - Bảo vệ tài nguyên môi trường - Địa mạo truyền thống - Địa lý tổng hợp	01-02	
73.	PGS.TS. Vũ Văn Phái PGS.TS. Đặng Văn Bào PGS.TS. Nguyễn Hiệu	Quản lý tài nguyên và môi trường	- Địa mạo ứng dụng - Quản lý đới bờ - Du lịch - Địa mạo chung - Địa lý tổng hợp - Địa lý và môi trường biển - Địa mạo bờ biển - Địa mạo hiện đại; - Sinh thái, dịch vụ hệ sinh thái; - Địa lý nhân văn	01-02	
74.	PGS.TS. Nguyễn Hiệu PGS.TS. Đặng Văn Bào	- Quản lý tài nguyên và môi trường - Địa mạo và Cổ địa lý - Bản đồ, viễn thám và Hệ thống tin địa lý	- Địa mạo ứng dụng - Ứng dụng công nghệ không gian	01-02	

STT	Cán bộ hướng dẫn	Lĩnh vực nghiên cứu	Hướng nghiên cứu	Số NCS có thể hướng dẫn	Ghi chú
75.	PGS.TS. Vũ Văn Phái	- Địa mạo và Cổ địa lý - Quản lý tài nguyên và môi trường	- Địa mạo bờ biển - Địa lý và môi trường biển - Quản lý môi trường đới bờ biển	01-02	
76.	PGS.TS. Vũ Văn Phái PGS.TS. Nguyễn Hiệu	- Địa mạo và Cổ địa lý - Quản lý tài nguyên và môi trường	- Địa mạo bờ biển - Địa lý và môi trường biển - Quản lý môi trường đới bờ biển	01-02	
77.	PGS.TS. Vũ Văn Phái PGS.TS. Đặng Văn Bào	- Địa mạo và Cổ địa lý - Quản lý tài nguyên và môi trường	- Địa mạo karst - Địa lý tổng hợp - Địa lý và môi trường biển - Địa mạo bờ biển	01-02	
78.	PGS.TS Nguyễn Thị Hải	Quản lý tài nguyên và môi trường	Bảo vệ, sử dụng hợp lý tài nguyên	01-02	
79.	PGS.TS. Nguyễn Đình Minh	- Bản đồ, viễn thám và Hệ thống tin địa lý - Quản lý tài nguyên và môi trường	- Nghiên cứu biến động sử dụng đất và lớp phủ đất - Viễn thám và GIS trong nghiên cứu tài nguyên môi trường	01-02	
80.	PGS.TS. Nhữ Thị Xuân	Bản đồ, viễn thám và Hệ thống tin địa lý	- Thành lập, nâng cao chất lượng bản đồ - Ứng dụng bản đồ trong nghiên cứu tài nguyên môi trường - Cơ sở lý luận trong bản đồ học	01-02	
81.	GS.TS. Nguyễn Ngọc Thạch	Bản đồ, viễn thám và Hệ thống tin địa lý	- Nghiên cứu cơ sở khoa học viễn thám và Hệ thống tin địa lý - Ứng dụng viễn thám và Hệ thống tin địa lý trong nghiên cứu tài nguyên môi trường - Viễn thám và Hệ thống tin địa lý	01-02	
82.	PGS.TS. Phạm Văn Cự	Bản đồ, viễn thám và Hệ thống tin địa lý	Ứng dụng viễn thám và Hệ thống tin địa lý trong nghiên cứu tài nguyên môi trường	01-02	
83.	PGS.TS. Đinh Thị Bảo Hoa	Bản đồ viễn thám và GIS	Ứng dụng viễn thám và Hệ thống tin địa lý trong nghiên cứu tài nguyên môi trường	01-02	

STT	Cán bộ hướng dẫn	Lĩnh vực nghiên cứu	Hướng nghiên cứu	Số NCS có thể hướng dẫn	Ghi chú
84.	PGS.TS. Bùi Quang Thành	Bản đồ viễn thám và GIS	Ứng dụng viễn thám và Hệ thống tin địa lý trong nghiên cứu tài nguyên môi trường	01-02	
85.	PGS.TS. Trần Quốc Bình PGS.TS. Mẫn Quang Huy	Quản lý đất đai	- Công nghệ trong Quản lý đất đai - Quản lý đất đai	01-02	
86.	PGS.TS. Trần Văn Tuấn	Quản lý đất đai	- Quy hoạch sử dụng đất trong bối cảnh liên kết vùng và biến đổi khí hậu - Chuyển đổi sử dụng đất trong quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa - Nghiên cứu sử dụng đất nông nghiệp bền vững	01	
87.	TS. Phạm Thị Phin	Quản lý đất đai	- Quy hoạch sử dụng đất trong bối cảnh liên kết vùng và biến đổi khí hậu - Chuyển đổi sử dụng đất trong quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa - Nghiên cứu sử dụng đất nông nghiệp bền vững	02	
88.	PGS.TS. Nguyễn Thị Thu Hà	- Địa chất môi trường - Quản lý và phát triển tài nguyên	Ứng dụng viễn thám và GIS trong quản lý tài nguyên và môi trường nước	02	Hỗ trợ tham gia đề tài Nafosted 105.08-2019.329; NĐT/TW/21/16
89.	PGS.TS. Nguyễn Thị Minh Thuyết	Hoạt động biến chất và khả năng sinh khoáng đi kèm	Thạch luận đá biến chất	01	
90.	PGS.TS. Nguyễn Thị Hoàng Hà	- Địa hóa sinh thái - Công nghệ địa môi trường, sử dụng bền vững tài nguyên	- Địa hóa sinh thái - Công nghệ địa môi trường	01	
91.	PGS.TS. Đỗ Minh Đức	Địa kỹ thuật công trình và môi trường	- Quản lý rủi ro trượt lở - Ứng phó Biến đổi khí hậu	01	

STT	Cán bộ hướng dẫn	Lĩnh vực nghiên cứu	Hướng nghiên cứu	Số NCS có thể hướng dẫn	Ghi chú
92.	PGS.TS. Nguyễn Thùy Dương	Địa hoá - khoáng vật	- Cở môi trường - Cở khí hậu ghi nhận từ trầm tích hồ	01	
93.	PGS. TS. Nguyễn Văn Vượng	Địa chất và phát triển tài nguyên địa chất	Quá trình chuyển động kiến tạo và hệ quả của nó (sinh khoáng, hình thành bể trầm tích dầu khí, tai biến địa chất, địa động lực...)	01-02	
94.	PGS.TSKH. Trần Mạnh Liễu	Địa kĩ thuật và phát triển hạ tầng	Khai thác sử dụng bền vững không gian ngầm đô thị	01-02	
95.	PGS.TS. Nguyễn Tiền Giang	Thủy văn học	- Dự báo dòng chảy cho lưu vực sông xuyên biên giới sử dụng các hướng tiếp cận mô hình hóa dựa vật lý, dựa số liệu và công nghệ viễn thám.	02	Hỗ trợ tham gia đề tài NCKH
96.	TS. Nguyễn Quang Hưng	Thủy văn học	- Tính toán và thiết kế hệ thống thoát nước đô thị theo hướng tiếp cận phát triển tác động thấp - Mô hình hóa lan truyền ô nhiễm trong lưu vực đô thị - Đánh giá mức độ quan trọng của các lớp thấm phủ đến tài nguyên nước	02	Hỗ trợ thu thập số liệu, tham gia các đề tài dự án có liên quan trực tiếp đến nghiên cứu
97.	PGS.TS. Nguyễn Minh Trường	Khí tượng học	- Khí tượng gió mùa - Xoáy thuận nhiệt đới - Khí tượng quy mô vừa	02	
98.	PGS.TS. Vũ Thanh Hằng	Khí tượng học	- Khí hậu và Biến đổi khí hậu	02	
99.	TS. Nguyễn Kim Cương	Hải dương học	- Hệ thống mô hình tích hợp - Vận chuyển trầm tích và các quá trình ven bờ	02	
100.	GS.TS. Phan Văn Tân	Khí tượng học	- Dự báo nội mưa - Đánh giá biến đổi khí hậu	01	
101.	PGS.TS. Trần Quang Đức	Khí tượng học	Thống kê, mô hình hóa khí tượng	01	
102.	PGS.TS. Ngô Thị Tường Châu	Bảo quản thực phẩm bằng phương pháp sinh học	Nghiên cứu phát triển và ứng dụng lớp phủ ăn được chứa lợi khuẩn trong bảo quản rau quả tươi và chế biến tối thiểu	01-02	

STT	Cán bộ hướng dẫn	Lĩnh vực nghiên cứu	Hướng nghiên cứu	Số NCS có thể hướng dẫn	Ghi chú
103.	TS. Trần Thiện Cường	Môi trường đất và nước	Nghiên cứu khả năng tiếp nhận chất thải và sức chịu tải môi trường cho các lưu vực sông và hồ	01	
104.	TS. Vũ Đình Tuấn	Môi trường đất và nước	Ứng dụng mô hình SWAT mô phỏng xói mòn và bồi lắng đất, và di chuyển hóa chất từ hoạt động nông, lâm nghiệp xuống các lưu vực sông	01	
105.	PGS.TS. Trần Thị Hồng	Phân tích và xử lý ô nhiễm môi trường	Nghiên cứu xây dựng hệ số gây độc đối với một số dẫn xuất của PAHs	01-02	
106.	TS. Trần Văn Sơn	Vật liệu và xử lý ô nhiễm nước	Nghiên cứu chế tạo vật liệu xử lý dư lượng kháng sinh trong nước từ nguồn chất thải nông nghiệp	01	
107.	PGS.TS. Lê Đức Minh	Bảo tồn đa dạng sinh học	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Mô hình hóa vùng phân bố và đánh giá tác động của biến đổi khí hậu tới một số loài linh trưởng</li> <li>- Ứng dụng các phương pháp sinh học phân tử trong kiểm soát buôn bán và bảo tồn các loài động vật hoang dã nguy cấp quý hiếm</li> <li>- Mô hình hóa vùng phân bố và đánh giá tác động của biến đổi khí hậu tới một số loài linh trưởng</li> </ul>	01-02	
108.	PGS.TS. Nguyễn Kiều Băng Tâm	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tài nguyên sinh vật và môi trường</li> <li>- Sinh thái môi trường</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ứng dụng công nghệ chiếu sáng LED bổ sung và phân bón vi sinh nhằm tăng năng suất và chất lượng của cây dược liệu Kim cúc</li> <li>- Ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật hoàn thiện quy trình trồng, chăm sóc, thu hoạch, sơ chế và bảo quản Bạch chỉ theo tiêu chuẩn GACP</li> <li>- Đánh giá ảnh hưởng của điều kiện chiếu sáng LED và phân bón hữu cơ vi sinh lên năng suất sinh học, hàm lượng và chất lượng tinh dầu của Hương nhu trắng và Hương nhu tím</li> <li>- Nghiên cứu xây dựng chuỗi giá trị tuần hoàn cây Bạc hà á bằng công nghệ chiếu sáng bổ sung</li> </ul>	01-02	

STT	Cán bộ hướng dẫn	Lĩnh vực nghiên cứu	Hướng nghiên cứu	Số NCS có thể hướng dẫn	Ghi chú
			LED và công nghệ vi sinh - Các giải pháp sinh học (kết hợp thực vật và vi sinh vật) trong xử lý ô nhiễm môi trường đất, nước		
109.	TS. Phạm Thị Thu Hà	Sinh thái môi trường	- Đánh giá đô thị bền vững - Ảnh hưởng của Mưa axit đến cây trồng - Sinh kế bền vững thích ứng với Biến đổi khí hậu - Du lịch sinh thái/ Du lịch bền vững - Đánh giá chất lượng/tác động môi trường nước, khí	01	
110.	PGS.TS. Phạm Văn Anh	- Đa dạng và bảo tồn đa dạng sinh học - Quản lý bảo tồn quần xã - Sinh học bảo tồn - Sinh học quần thể - Sinh học nhân nuôi - Phân loại học	- Nghiên cứu đa dạng và bảo tồn các loài lưỡng cư, bò sát ở Việt Nam hoặc ở Lào - Nghiên cứu sinh thái học các loài lưỡng cư, bò sát ở Việt Nam hoặc ở Lào - Nghiên cứu quy hoạch, quản lý và đề xuất các giải pháp bảo tồn tài nguyên thiên nhiên ở Việt Nam hoặc Lào - Nghiên cứu sự phân bố, sinh học và di truyền phục vụ bảo tồn các loài lưỡng cư, bò sát ở Việt Nam hoặc ở Lào - Nghiên cứu đánh giá các mối đe dọa đến đa dạng sinh học và đề xuất các khuyến nghị bảo tồn loài, quần xã sinh vật ở Việt Nam hoặc ở Lào - Nghiên cứu điều tra giám sát quần thể phục vụ bảo tồn một số loài động vật quý, hiếm ở Việt Nam hoặc ở Lào - Nghiên cứu nhân nuôi các loài động vật quý, hiếm phục vụ bảo tồn và phát triển kinh tế ở Việt Nam hoặc ở Lào	01-02	



STT	Cán bộ hướng dẫn	Lĩnh vực nghiên cứu	Hướng nghiên cứu	Số NCS có thể hướng dẫn	Ghi chú
			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghiên cứu phân loại ấu trùng dựa trên hình thái và sinh học phân tử các loài lưỡng cư ở Việt Nam hoặc ở Lào</li> </ul>		
111.	TS. Phạm Thị Thu Hà	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đánh giá tác động môi trường</li> <li>- Quản lý tổng hợp lưu vực sông</li> <li>- Biến đổi khí hậu</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghiên cứu, đánh giá tác động của nguồn thải đến môi trường nước mặt/ môi trường không khí</li> <li>- Nghiên cứu ảnh hưởng từ tổng hợp các loại nguồn thải trong lưu vực sông tới chất lượng nước sông nhằm lựa chọn các can thiệp tốt nhất để cải thiện chất lượng nước sông</li> <li>- Nghiên cứu ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đến môi trường nước/ môi trường không khí</li> <li>- Nghiên cứu, đánh giá chất lượng môi trường nước mặt/ môi trường không khí</li> <li>Nghiên cứu mô phỏng sự lan truyền các chất ô nhiễm trong môi trường không khí/ môi trường nước mặt</li> </ul>	01	
112.	TS. Trần Thị Tuyết Thu	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đánh giá hiện trạng ô nhiễm</li> <li>- Xây dựng quy trình kỹ thuật xử lý</li> <li>- Đánh giá hiệu quả xử lý ô nhiễm</li> <li>- Đánh giá lợi ích kinh tế, môi trường của hệ cây trồng đa canh trong hệ thống sản xuất</li> <li>- Đánh giá hiệu quả của</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ứng dụng thực vật siêu tích tụ kim loại nặng để xử lý đất ô nhiễm</li> <li>- Đánh giá hiệu quả của hệ cây trồng đa canh đến cải tạo độ phì đất thích ứng với biến đổi khí hậu</li> </ul>	01	

STT	Cán bộ hướng dẫn	Lĩnh vực nghiên cứu	Hướng nghiên cứu	Số NCS có thể hướng dẫn	Ghi chú
		hệ cây trồng đa canh trong cải tạo độ phì, bảo vệ hệ sinh thái đất và thích ứng với biến đổi khí hậu			
113.	PGS.TS. Nguyễn Ngọc Minh	Khoa học đất	- Kim loại nặng trong môi trường đất-nước và thực phẩm - Phân nhả chậm kiểm soát từ vật liệu lignocellulose-silica - Biochar ứng dụng trong xử lý ô nhiễm và cải tạo	01-02	
114.	TS. Nguyễn Ngân Hà	- Xử lý chất thải rắn - Vật liệu nông nghiệp	Nghiên cứu xử lý kết hợp một số loại phế thải giàu lignocellulose để sản xuất vật liệu cải tạo đất theo hướng thân thiện với môi trường	01	
115.	PGS.TS. Nguyễn Văn Lợi	Công nghệ nông nghiệp	- Nghiên cứu khai thác và thu nhận các hợp chất thiên nhiên có hoạt tính sinh học từ các phụ phẩm của nhà máy chế biến rau quả để làm phụ gia thực phẩm - Nghiên cứu sản xuất phẩm màu thực phẩm tự nhiên từ vỏ quả thanh long thân thiện môi trường	01-02	
116.	PGS. TS. Trần Văn Quy	Môi trường nước	Nghiên cứu xử lý dư lượng thuốc kháng sinh ao nuôi thủy sản	01-02	
117.	PGS.TS Hoàng Anh Lê	Khoa học môi trường	- Kiểm kê khí thải và mô hình hóa môi trường - Ô nhiễm không khí, khí quyển - Quản lý và chính sách môi trường	01-02	